



Hà Nội, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CP ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/5/2018; Phụ lục sửa đổi điều lệ lần thứ 2 ngày 23/7/2018 của công ty Cổ phần Điện Cơ Thống Nhất;
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 do công ty TNHH Deloitte Việt Nam lập ngày 29/03/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 22/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện cơ Thống Nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

I. Kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	904.794.948.847 đ
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0 đ
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	904.794.948.847 đ
4. Giá vốn hàng bán	723.421.657.413 đ
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.373.291.434 đ
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.095.463.029 đ
7. Chi phí tài chính	7.457.617.355 đ
8. Chi phí bán hàng	29.239.111.329 đ
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.570.438.101 đ
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102.201.587.678 đ
11. Lợi nhuận khác	6.870.517.325 đ
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.072.105.003 đ
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.827.501.377 đ
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.244.603.626 đ

II. Tổng tài sản (tính đến ngày 31/12/2018): 576.911.931.547 đ

Trong đó:	1. Tài sản ngắn hạn	489.479.847.669 đ
	2. Tài sản dài hạn	87.432.083.878 đ

III. Nguồn vốn (tính đến ngày 31/12/2018): 576.911.931.547 đ

Trong đó:	1. Nợ phải trả	340.981.259.812 đ
	2. Vốn chủ sở hữu	235.930.671.735 đ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2018)
Ông Dương Đức Ngọc	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Duy Đức	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018)
Ông Vũ Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019)
Ông Vũ Đức Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thành Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Thành Vinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018)
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Huy Chiển	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2019)
Ông Lê Văn Hoài	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2019)
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2018)
Ông Nguyễn Duy Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2018)
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019); Tổng Giám đốc (nhiệm kỳ từ ngày 09 tháng 8 năm 2018 đến ngày 01 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tấn Bình	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 7 năm 2018 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Bùi Huy Chiên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 89 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành 12 tháng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm với số tiền là 20.378.223.445 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp về việc xác định tỷ lệ % dự phòng bảo hành sản phẩm đã được sử dụng, theo đó không thể xác định số dự phòng bảo hành sản phẩm đã được ghi nhận nêu trên có phù hợp hay không. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động đến trước năm 2009 theo quy định của Luật Lao động và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm với số tiền là 18.176.756.620 VND. Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc theo như quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do chưa thể xác định được ảnh hưởng của số liệu này đến các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của các năm trước. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp về việc xác định số dự phòng trợ cấp thôi việc cần thiết phải điều chỉnh hồi tố nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số số liệu của báo cáo tài chính này đã được phân loại lại phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay, như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Lương Tâm
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2303-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		489.479.847.669	412.181.204.664
I. Tiền	110	4	4.440.302.071	7.000.725.738
1. Tiền	111		4.440.302.071	7.000.725.738
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	70.008.900.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		70.008.900.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.151.245.292	3.152.040.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	43.546.216	2.303.656.149
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		237.846.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	19.869.853.076	848.383.982
IV. Hàng tồn kho	140	8	389.212.811.292	384.340.451.928
1. Hàng tồn kho	141		389.212.811.292	384.340.451.928
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.666.589.014	17.687.986.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	162.070.713	2.327.968
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.504.518.301	17.685.658.899
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.432.083.878	111.116.082.758
I. Tài sản cố định	220		52.177.619.450	71.087.454.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.177.619.450	71.087.454.522
- Nguyên giá	222		204.537.144.335	204.427.144.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(152.359.524.885)	(133.339.689.813)
II. Tài sản dài hạn khác	260		35.254.464.428	40.028.628.236
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	35.254.464.428	40.028.628.236
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		576.911.931.547	523.297.287.422

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		340.981.259.812	305.405.101.833
I. Nợ ngắn hạn	310		340.981.259.812	305.405.101.833
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	50.004.222.954	21.359.700.060
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	12.117.133.564	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	16.565.336.816	1.300.781.098
4. Phải trả người lao động	314		18.442.950.971	18.391.190.178
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		191.303.065	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	340.852.825	709.896.441
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	181.877.411.932	251.442.662.026
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	58.578.488.329	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.863.559.356	12.200.872.030
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.930.671.735	217.892.185.589
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	235.930.671.735	217.892.185.589
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		143.000.000.000	143.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		143.000.000.000	143.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		335.210.030	335.210.030
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			92.595.461.705	74.556.975.559
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		9.350.858.079	6.588.650.304
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		83.244.603.626	67.968.325.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		576.911.931.547	523.297.287.422



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng




Bùi Huy Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	904.794.948.847	943.509.647.745
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	-	5.283.085.547
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		904.794.948.847	938.226.562.198
4. Giá vốn hàng bán	11	20	723.421.657.413	784.275.706.296
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		181.373.291.434	153.950.855.902
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.095.463.029	2.767.869.741
7. Chi phí tài chính	22	23	7.457.617.355	4.581.628.837
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.457.617.355	4.580.943.754
8. Chi phí bán hàng	25	24	29.239.111.329	29.383.093.733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	44.570.438.101	38.980.980.912
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		102.201.587.678	83.773.022.161
11. Thu nhập khác	31		7.381.965.609	1.509.430.494
12. Chi phí khác	32		511.448.284	265.046.086
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	25	6.870.517.325	1.244.384.408
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		109.072.105.003	85.017.406.569
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	25.827.501.377	17.049.081.314
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		83.244.603.626	67.968.325.255
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	5.821	4.193

Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Bùi Huy Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	919.091.167.869	1.035.840.410.340
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(598.535.013.108)	(854.337.800.784)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(129.664.938.600)	(128.687.610.622)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.266.314.290)	(4.681.634.661)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.399.081.314)	(19.814.496.487)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	379.275.249.630	6.571.494.685
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(431.982.219.589)	(94.947.976.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	120.518.850.598	(60.057.614.353)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(110.000.000)	(1.426.500.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	21.118.115
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.082.086.533	2.765.593.965
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.972.086.533	1.360.212.080
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	314.598.375.964	271.893.016.346
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(384.163.626.058)	(170.528.358.183)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(55.492.280.000)	(49.336.866.051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(125.057.530.094)	52.027.792.112
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.566.592.963)	(6.669.610.161)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.000.725.738	13.671.020.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.169.296	(685.083)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.440.302.071	7.000.725.738


Phạm Thị Kim Ngân
Người lập


Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng




Bùi Huy Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty cổ phần từ ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100100449, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 3 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là: 143.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty là: Số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.023 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.115 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất – Chi nhánh Hà Nam ("Chi nhánh") có địa chỉ tại Lô B6+B7 Khu công nghiệp Đồng Văn II, thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100449-001 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 01 năm 2019. Hoạt động sản xuất chính của Chi nhánh là sản xuất quạt điện.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.

Chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn của năm trước được phân loại lại phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	249.850.385.945	1.592.276.081	251.442.662.026
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.592.276.081	(1.592.276.081)	-

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc, và giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc với văn phòng Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 01 tháng 01 năm 2058.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

0-6
TY
UU HA
TE
AM
P. H

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	711.577.457	1.141.234.653
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.728.724.614	5.859.491.085
	<u>4.440.302.071</u>	<u>7.000.725.738</u>

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh phản ánh khoản đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, với mục đích nắm giữ chờ để bán.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hải Phòng	-	2.255.000.000
- Khách hàng khác	43.546.216	48.656.149
	<u>43.546.216</u>	<u>2.303.656.149</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Phải thu về ủy thác đầu tư	19.682.853.076	-
- Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	-	848.383.982
- Tạm ứng	187.000.000	-
	<u>19.869.853.076</u>	<u>848.383.982</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	29.920.024.797	-	37.120.153.960	-
Công cụ, dụng cụ	913.437.463	-	1.109.303.381	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.274.251.474	-	245.510.573.743	-
Thành phẩm	183.105.097.558	-	100.600.420.844	-
	<u>389.212.811.292</u>	<u>-</u>	<u>384.340.451.928</u>	<u>-</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	162.070.713	2.327.968
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	162.070.713	2.327.968
b. Dài hạn	35.254.464.428	40.028.628.236
- Chi phí thuê đất tại KCN Đồng Văn	34.225.518.736	35.066.957.771
- Giá trị lợi thế kinh doanh của Doanh nghiệp khi cổ phần hóa	-	4.074.605.737
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	413.384.576	-
- Khác	615.561.116	887.064.728
	<u>35.416.535.141</u>	<u>40.030.956.204</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	96.934.879.453	101.723.648.218	4.848.451.718	920.164.946	204.427.144.335
Tặng trong năm	-	110.000.000	-	-	110.000.000
Số dư cuối năm	96.934.879.453	101.833.648.218	4.848.451.718	920.164.946	204.537.144.335
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	54.239.624.145	75.600.609.716	3.101.159.369	398.296.583	133.339.689.813
Khấu hao trong năm	9.743.218.644	8.581.433.614	601.206.272	93.976.542	19.019.835.072
Số dư cuối năm	63.982.842.789	84.182.043.330	3.702.365.641	492.273.125	152.359.524.885
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	42.695.255.308	26.123.038.502	1.747.292.349	521.868.363	71.087.454.522
Tại ngày cuối năm	32.952.036.664	17.651.604.888	1.146.086.077	427.891.821	52.177.619.450

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.150.607.046 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 145.000.000 VND).

Giá trị còn lại của các tài sản cố định dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản vay (được trình bày ở Thuyết minh số 15) tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 23.236.284.814 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 32.392.566.490 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
- Công ty TNHH Ánh Dương	12.575.712.160	12.575.712.160	-	-
- Công ty TNHH Tân Thành	5.441.633.439	5.441.633.439	1.293.700.100	1.293.700.100
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	3.028.385.250	3.028.385.250	4.522.149.544	4.522.149.544
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nguyễn Minh Sơn	1.805.611.500	1.805.611.500	4.351.336.000	4.351.336.000
- Công ty Cổ phần Dây & Cáp điện Thượng Đình	719.537.423	719.537.423	2.238.346.366	2.238.346.366
- Các đối tượng khác	26.433.343.182	26.433.343.182	8.954.168.050	8.954.168.050
	50.004.222.954	50.004.222.954	21.359.700.060	21.359.700.060

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	8.000.000.000	-
- Đối tượng khác	4.117.133.564	-
	12.117.133.564	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	25.248.104.121	25.248.104.121	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	440.207.290	440.207.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	892.700.141	25.827.501.377	10.399.081.314	16.321.120.204
Thuế thu nhập cá nhân	408.080.957	2.663.948.520	2.827.812.865	244.216.612
Thuế đất, tiền thuê đất	-	3.828.369.434	3.828.369.434	-
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	1.300.781.098	58.012.130.742	42.747.575.024	16.565.336.816

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	281.779.000	284.892.000
- Cổ tức phải trả	11.400.000	-
- Các khoản phải trả khác	47.673.825	425.004.441
	340.852.825	709.896.441

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (i)	94.031.590.956	94.031.590.956	92.440.112.831	105.805.152.809	80.666.550.978	80.666.550.978
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (ii)	66.809.515.711	66.809.515.711	8.550.410.753	66.809.515.711	8.550.410.753	8.550.410.753
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (iii)	89.009.279.278	89.009.279.278	146.748.614.858	166.906.720.683	68.851.173.453	68.851.173.453
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (iv)	-	-	66.859.237.522	43.049.960.774	23.809.276.748	23.809.276.748
Vay dài hạn đến hạn trả	1.592.276.081	1.592.276.081	-	1.592.276.081	-	-
	251.442.662.026	251.442.662.026	314.598.375.964	384.163.626.058	181.877.411.932	181.877.411.932

(i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng vay số 01/2017/147030/HĐTD tháng 11 năm 2017 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 100.000.000.000 VND. Hợp đồng vay được bảo đảm bởi các tài sản đảm bảo có tổng nguyên giá là 78.488.988.446 VND. Khoản vay được trả vào ngày đáo hạn, lãi suất cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng vay số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-THONGNHAT ngày 09 tháng 11 năm 2018 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 100.000.000.000 VND. Hợp đồng vay được bảo đảm bởi các tài sản đảm bảo có tổng nguyên giá là 5.862.410.614 VND. Khoản vay được trả vào ngày đáo hạn, lãi vay được trả 1 tháng 1 lần vào ngày 25 của tháng, lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng vay số 01/2018/CVHM/VCBHN-3794717 ngày 05 tháng 12 năm 2018 với thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Hạn mức tín dụng theo Hợp đồng là 150.000.000.000 VND. Hợp đồng vay được bảo đảm bởi các tài sản đảm bảo có tổng nguyên giá là 16.880.174.633 VND. Khoản vay được trả vào ngày đáo hạn, lãi vay được trả 1 tháng 1 lần vào ngày 26 của tháng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo Hợp đồng vay số 30880.18.051.2988221.TD ngày 20 tháng 11 năm 2018 với thời hạn của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 100.000.000.000 VND. Hợp đồng vay tín chấp.

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm (i)	20.378.223.445	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc (ii)	18.176.756.620	-
Dự phòng quỹ tiền lương (iii)	20.023.508.264	-
	<u>58.578.488.329</u>	<u>-</u>

- (i) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng, Công ty thực hiện xác định chi phí bảo hành theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán trong năm 2018 tương ứng với thời gian bảo hành còn lại và ghi nhận chi phí này vào chi phí bán hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (ii) Công ty thực hiện xác định chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc tại Công ty từ trước năm 2009 và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (iii) Công ty xác định chi phí dự phòng tiền lương phải trả cho người lao động theo tỷ lệ 17% trên mức lương thực hiện của năm 2018 và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	143.000.000.000	335.653.856	16.702.548.036	42.663.985.948	202.702.187.840
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	67.968.325.255	67.968.325.255
Giảm khác	-	(443.826)	(16.702.548.036)	-	(16.702.991.862)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(36.075.335.644)	(36.075.335.644)
Số dư đầu năm nay	143.000.000.000	335.210.030	-	74.556.975.559	217.892.185.589
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	83.244.603.626	83.244.603.626
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(65.206.117.480)	(65.206.117.480)
Số dư cuối năm nay	143.000.000.000	335.210.030	-	92.595.461.705	235.930.671.735

Theo Nghị quyết số 106/NQ-ĐCTN-HDQT ngày 29 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 6.796.832.526 VND;
- Trích thưởng Ban điều hành: 815.619.903 VND;
- Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát: 393.665.051 VND;
- Chia cổ tức: 57.200.000.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.300.000	14.300.000
Cổ phiếu phổ thông	14.300.000	14.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.300.000	14.300.000
Cổ phiếu phổ thông	14.300.000	14.300.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 143.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 143.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không Công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội Các cổ đông khác	27.512.000.000	19,24%	27.512.000.000	27.512.000.000
	30.000.000.000	20,98%	30.000.000.000	30.000.000.000
	-	0,00%	-	67.070.000.000
	85.488.000.000	59,78%	85.488.000.000	18.418.000.000
	143.000.000.000	100%	143.000.000.000	143.000.000.000

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất quạt điện của Công ty đều chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, lĩnh vực kinh doanh.

19. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	904.794.948.847	943.509.647.745
	904.794.948.847	943.509.647.745
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại/hàng bán bị trả lại	-	(5.283.085.547)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	904.794.948.847	938.226.562.198

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	723.421.657.413	784.275.706.296
	723.421.657.413	784.275.706.296

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	555.507.549.155	740.907.744.738
Chi phí nhân công	174.997.304.709	149.094.266.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.019.835.072	20.464.124.649
Chi phí dự phòng	20.378.223.445	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.857.259.289	26.776.815.005
Chi phí khác bằng tiền	9.739.389.618	36.880.840.824
	809.499.561.288	974.123.791.484

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.082.086.533	2.765.593.965
Lãi chênh lệch tỷ giá	13.376.496	2.275.776
	<u>2.095.463.029</u>	<u>2.767.869.741</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền vay	7.457.617.355	4.580.943.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	685.083
	<u>7.457.617.355</u>	<u>4.581.628.837</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên quản lý	31.314.988.168	21.649.820.184
Chi phí vật liệu quản lý	824.396.800	376.336.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.672.726.298	2.713.009.308
Thuế, phí và lệ phí	1.960.803.533	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.981.414.279	2.174.490.958
Chi phí bằng tiền khác	5.816.109.023	12.067.324.369
	<u>44.570.438.101</u>	<u>38.980.980.912</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí lương nhân viên kinh doanh	8.228.247.357	5.672.944.464
Chi phí vật liệu, bao bì	31.759.471	5.583.097
Chi phí bảo hành	20.378.223.445	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.783.709	-
Chi phí bằng tiền khác (*)	288.097.347	23.704.566.172
	<u>29.239.111.329</u>	<u>29.383.093.733</u>

(*) Chi phí bằng tiền khác năm trước bao gồm 23.391.395.147 VND là khoản hỗ trợ khuyến khích bán hàng cho khách hàng chi bằng tiền. Năm nay không phát sinh chi phí tương tự.

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập khác		
Xử lý chênh lệch thừa kiểm kê	7.244.186.255	-
Tiền phạt thu được	84.982.433	64.232.000
Thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	363.636	21.118.115
Thu nhập khác	52.433.285	1.424.080.379
	<u>7.381.965.609</u>	<u>1.509.430.494</u>
Chi phí khác		
Chi phí bồi thường, bị phạt	431.122.193	36.037.359
Thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	80.326.091	229.008.727
	<u>511.448.284</u>	<u>265.046.086</u>
Lợi nhuận khác	<u>6.870.517.325</u>	<u>1.244.384.408</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.827.501.377	17.049.081.314
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.827.501.377	17.049.081.314
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	109.072.105.003	85.017.406.569
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	20.065.401.881	228.000.000
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	129.137.506.884	85.245.406.569
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>129.137.506.884</i>	<i>85.245.406.569</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.827.501.377	17.049.081.314

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.244.603.626	67.968.325.255
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(8.006.117.480)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	83.244.603.626	59.962.207.775
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.300.000	14.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.821	4.193

(*) Trên cơ sở quỹ khen thưởng, phúc lợi (bao gồm thưởng Ban điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát) từ nguồn lợi nhuận sau thuế của năm 2017 đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty phê duyệt theo Nghị quyết số 106/NQ-ĐCTN-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2018, Công ty đã tính lại số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm trước được trình bày lại là 4.193 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 4.230 đồng/cổ phiếu).

Công ty chưa tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm hàng không
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Bùi Quốc Doanh
Ông Lê Minh Thắng
Ông Trần Quang Huy
Ông Võ Ngọc Hùng
Bà Đặng Thị Phương Loan

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Trong năm Công ty không có bất kỳ giao dịch trọng yếu nào với các bên liên quan.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	852.005.000	504.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.847.754.000	2.383.258.000
	<u>2.699.759.000</u>	<u>2.887.258.000</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty không có số dư trọng yếu nào với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Bùi Huy Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019